TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 26-8-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thành

Bà Nguyễn Thị Bích

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 26 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 61/2021/TLST-HNGĐ ngày 16/4/2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về con chung".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/7/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09/8/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị D, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Diệp Văn D, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Hiện nay đang lao động tại nước ngoài.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là chị Hoàng Thị D trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2012 chị và anh Diệp Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng kí kết hôn ngày 12/10/2012 tại UBND xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Trong quá trình chung sống từ năm 2012 đến năm 2019 anh chị sống hạnh phúc và có 01 đứa con gái. Sau khi con được 03 tháng vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn không có tình cảm với nhau. Anh D không quan tâm vợ con, không chu cấp tiền nuôi con. Hai vợ chồng chị thường xuyên cãi nhau. Chị cảm thấy không thể chung sống với anh D vì có sự khác biệt quá lớn về quan điểm sống và cách sống không thể hòa hợp. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không còn hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Diệp Văn D.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Diệp Hoàng Bảo N, sinh ngày 07/3/2019. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi con chung không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không có

** Bị đơn anh Diệp Văn D hiện đang lao động ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể.* Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với anh Diệp Văn D.

Ngày 20/4/2021 và ngày 14/5/2021, Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ thông qua mẹ của anh D là bà Hoàng Thị K có quan điểm trình bày như sau:

Bà là mẹ đẻ của anh Diệp Văn D có địa chỉ như trên. Hiện nay anh D đang đi lao động tại Đài Loan không có mặt ở tại địa phương nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình. Về địa chỉ của anh D ở bên nước ngoài thì bà không biết nên không cung cấp cho Tòa án được. Tòa án yêu cầu gia đình thông báo để anh D gửi quan điểm về cho Tòa án thì gia đình từ chối thực hiện. Về việc chị D xin ly hôn thì anh D có quan điểm trao đổi về với gia đình như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh D không đồng ý ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh D và chị D có 01 co chung là cháu Diệp Hoàng Bảo N, sinh ngày 07/3/2019. Khi ly hôn chị D đề nghị được nuôi con chung không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung thì anh D không đồng ý. Do không đồng ý ly hôn nên anh D không đề nghị giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Do anh D không có nhà nên anh D không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản, sau này anh D về thì sẽ giải quyết ở vụ án khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Hoàng Thị D xin vắng mặt. Anh Diệp Văn D vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D. Xử cho chị Hoàng Thị D được ly hôn anh Diệp Văn D; Về con chung: Giao con chung là Diệp Hoàng Bảo N, sinh ngày 07/3/2019 cho chị D nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng không đặt ra xem xét giải quyết. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh D thực hiện quyền này.

Tài sản chung, công nợ: Chị D trình bày không có, nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc chị Hoàng Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Hoàng Thị D khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu giải quyết nuôi con chung đối với anh Diệp Văn D. Bị đơn anh Diệp Văn D là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại Thôn B, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang nhưng đang cư trú ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Căn cứ công văn số: 10489/QLXNC-P5 ngày 28/4/2021 của Cục quản lý xuất nhập cảnh-Bộ Công an cung cấp thì anh Diệp Văn D đã xuất cảnh ra nước ngoài ngày 07/12/2019, chưa thấy thông tin nhập cảnh về Việt Nam; không có thông tin địa chỉ nước đến, địa chỉ ở nước ngoài của anh D. Như vậy, đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do có một bên đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2 Điều 123, điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Chị D vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Diệp Văn D vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly

hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ thì đây được coi là trường hợp anh Diệp Văn D cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã niêm yết tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh Diệp Văn D theo quy định tại khoản 5 Điều 177, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với chị D và anh Diệp Văn D.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Theo chị Hoàng Thị D trình bày: Năm 2012 chị và anh Diệp Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng kí kết hôn ngày 12/10/2012 tại UBND xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống bắt đầu từ năm 2012 đến năm 2019 anh chị sống hạnh phúc và có một con chung. Sau khi con được 03 tháng vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn không có tình cảm với nhau. Anh D không quan tâm vợ con, không chu cấp tiền nuôi con. Hai vợ chồng chị thường xuyên cãi nhau. Chị cảm thấy không thể chung sống với anh D vì có sự khác biệt quá lớn về quan điểm sống và cách sống không thể hòa hợp. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Diệp Văn D.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị D. Hội đồng xét xử thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị D và anh Diệp Văn D là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Hiện chị Hoàng Thị D và anh Diệp Văn D mỗi người sống một nơi, xa cách về địa lý và không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa, vợ chồng mâu thuẫn cắt đứt liên lạc. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng chị D và anh Diệp Văn D đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh Diệp Văn D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Hoàng Thị D được ly hôn anh Diệp Văn D.

[4]. Về nuôi con chung: Chị Hoàng Thị D và anh Diệp Văn D có 01con chung là Diệp Hoàng Bảo N, sinh ngày 07/3/2019. Sau khi ly hôn chị D đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu được nuôi con chung của chị D sau khi ly hôn. Hội đồng xét xử thấy: Tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án anh D đang sinh sống lao động ở nước ngoài không trực tiếp nuôi dưỡng con chung được. Con chung dưới 36 tháng tuổi, để đảm bảo quyền lợi của con chung. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị D, giao cho chị Hoàng Thị D là người trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung Diệp Hoàng Bảo N, sinh ngày 07/3/2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị D không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Trường hợp anh D về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung, có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): Chị D trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị Hoàng Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; điểm b khoản 1 Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị D được ly hôn anh Diệp Văn D.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Diệp Hoàng Bảo N, sinh ngày 07/3/2019 cho chị Hoàng Thị D là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Diệp Văn D chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị D không yêu cầu. Sau khi ly hôn, anh Diệp Văn D là người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở anh D thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/0000020 ngày 16/4/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị D đã thi hành xong án phí sơ thẩm

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Hoàng Thị D vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Diệp Văn D hiện đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân.

Nơi nhận:
-TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Cục THADS tỉnh Bắc Giang
-UBND xã K, huyện L;
-Cổng thông tin điện tử TANDTC;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Hoàng Thị Thu Hiền